

Bản án số: 133/2017/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2017

V/v: *Tranh chấp HN-GĐ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Nguyệt.

2. Bà Hoàng Thị Thu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, Tỉnh Thanh hoá.

Ngày 23/8/2017 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2017 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, xã Yên Trường, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng P Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đông Khê, xã Yên Trường, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt Chị N, vắng mặt anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2017 cũng như tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 27/6/2017, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đăng P sống chung với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày 27/02/2012 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không chịu khó làm ăn mà ham chơi nên đã bị nghiện ma túy, Chị N đã khuyên can anh P cai nghiện nhiều lần nhưng anh P không nghe mà còn đánh đập chị, trong nhà có

bao nhiêu tài sản, anh P đều mang đi bán để mua ma túy nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng.

Nay Chị N xét thấy không còn tình cảm gì với anh P nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 01/4/2007; Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/01/2009 và Nguyễn Thị Ánh S, sinh ngày 28/11/2015 hiện nay cả ba cháu đều đang sống chung cùng Chị N.

Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được nuôi cả ba cháu, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh Nguyễn Đăng P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai của anh P và không tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2017 của cháu Nguyễn Thị Ngọc L và Biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2017 của cháu Nguyễn Thị Ngọc A đều là con gái của Chị N và anh P trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với Chị N, vì anh P không chăm sóc con và thường xuyên vắng nhà.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng khi giải quyết vụ án:

+ Thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS khi tiến hành các hoạt động tố tụng, đã xác định đúng tư cách tham gia tố của các đương sự trong vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp của vụ án.

+ Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, không thực hiện việc làm bản tự khai và tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa giải quyết vụ án làm khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 và điều 266 BLTTDS; khoản 1 điều 25, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đăng P.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 01/4/2007; Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/01/2009 và Nguyễn Thị Ánh S, sinh ngày 28/11/2015 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh P.

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đăng P có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đông Khê, xã Yên Trường, huyện Yên Định, Thanh Hóa nên việc chị Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 điều 28; điều 37; điều 39 Bộ luật TTDS.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Đăng P nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Vì vậy không có bản tự khai và không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa Chị N và anh P được thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 1 điều 207 Bộ luật TTDS.

Ngày 08/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa giải quyết việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa Chị N và anh P nhưng anh P vắng mặt không rõ lý do nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 23/8/2017 Tòa án tiếp tục mở phiên tòa nhưng anh Nguyễn Đăng P vẫn vắng mặt không có lý do.

Do anh Nguyễn Đăng P đã được tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt nên cần áp dụng khoản 3 điều 228 Bộ luật TTDS để xét xử vắng mặt anh P là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đăng P sống chung với nhau từ năm 2006 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến ngày 27/02/2012 cả hai mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không chịu khó làm ăn mà lâm vào tệ nạn nghiện ma túy, Chị N đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh P không chịu cai nghiện ma túy mà thường mang tài sản gia đình đi bán lấy tiền sử dụng ma túy, vì vậy vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Xét yêu cầu được ly hôn của Chị N thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho Chị N được ly hôn anh P là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 01/4/2007; Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/01/2009 và Nguyễn Thị Ánh S, sinh ngày 28/11/2015 hiện nay cả ba cháu đều đang sống chung cùng Chị N.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, Chị N đều có nguyện vọng được nuôi cả ba cháu vì anh P nghiện ma túy, không có khả năng chăm sóc và dạy bảo các cháu và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Xét yêu cầu của Chị N thấy rằng: cả ba cháu hiện nay đang sống chung cùng Chị N, trong khi đó anh P nghiện ma túy thì không có điều kiện chăm sóc con chung và tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thị Ngọc L và bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Ngọc A, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi ly hôn.

Xét thấy, để các cháu phát triển một cách toàn diện và được chăm sóc, nuôi dạy tốt, cần giao cả ba cháu cho Chị N chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định và đảm bảo cuộc sống của các cháu sau này.

Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 56, điều 81, 82, 84 của Luật HN- GD; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đăng P.

1.2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 01/4/2007; Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/01/2009 và Nguyễn Thị Ánh S, sinh ngày 28/11/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đăng P

Anh P được quyền đi lại chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, hai bên đương sự có quyền khởi kiện về việc yêu cầu thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí HNGĐST nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2015/0003814 ngày 21/6/2017 của Chi cục THADS Yên Định (Chị N đã nộp đủ án phí).

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THA DS Yên Định;
- Nơi cấp Đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu

Võ Kỳ Anh

Bùi Thị Yên